

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNN-KHTC-KL
V/v đề xuất phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp
thực hiện Chương trình Phát triển Lâm nghiệp
bền vững năm 2024

Hà Tĩnh, ngày tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Sở Tài chính

Căn cứ Quyết định số 3355/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024. Theo đó nguồn kinh phí để thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: **53.555 triệu đồng**, trong đó: (Ngân sách Trung ương: 43.555 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 10.000 triệu đồng).

Trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức, nguồn kinh phí được hỗ trợ và đề xuất của các đơn vị chủ rừng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện rà soát, đề xuất phương án phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2024, với các nội dung sau:

I. Cơ sở pháp lý để phân bổ:

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/04/2023 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các Công ty Nông, Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3355/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 536/TB-UBND ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh về kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh tại hội nghị tổng kết ngành Nông nghiệp và PTNT năm 2023 và triển khai nhiệm vụ năm 2024;

Căn cứ Văn bản số 171/STC-GCS&TCĐN ngày 11/01/2024 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị xây dựng hồ sơ phân bổ kinh phí sự nghiệp Chương

trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2024; Văn bản số 238/STC-HCSN ngày 15/01/2024 của Sở Tài chính về việc đôn đốc thực hiện, phân bổ các đề án chính sách năm 2024 (lần 1);

Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh.

II. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ:

1. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ:

Theo quy định tại tiết 2, điểm b, khoản 2, mục VI, Điều 1 Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các nội dung: quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên; thực hiện các đề án, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt; các hoạt động về điều tra, thống kê rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, hoạt động đánh giá, giám sát, các hoạt động đặc thù thực hiện Chương trình; đồng thời đảm bảo đúng đối tượng, định mức và tính cân đối, phù hợp với các nguồn kinh phí, chương trình đầu tư cho lĩnh vực lâm nghiệp năm 2024⁽¹⁾

2. Định mức phân bổ cụ thể:

2.1. Hỗ trợ quản lý bảo vệ rừng đặc dụng: Áp dụng theo Điều 8, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT (tối đa không quá 100.000 đồng/ha/năm);

2.2. Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng phòng hộ: Áp dụng theo Điều 7, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT (tối đa bình quân 300.000 đồng/ha/năm);

2.3. Hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên: Áp dụng theo Điều 9, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT và Điều 4 Thông tư số 21/2023/TT-BTC. Trong đó: Các công ty lâm nghiệp: 300.000 đồng/ha/năm; các Ban quản lý: 100.000 đồng/ha/năm;

2.4. Hỗ trợ Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng: Áp dụng theo Điều 10 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT (tối đa 3.000.000 đồng/ha/6 năm tương đương 500.000 đồng/ha/năm);

2.5. Hỗ trợ thực hiện Đề án 1 tỷ cây xanh và tết trồng cây: Áp dụng theo Điều 12 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT (theo nhu cầu, khối lượng thực tế);

2.6. Hỗ trợ cộng đồng dân cư vùng đệm các khu rừng đặc dụng: Áp dụng theo Điều 8, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT và Điều 6 Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 của Bộ Tài chính (mức hỗ trợ 40 triệu đồng/thôn, bản/năm);

2.7. Chi quản lý, kiểm tra, nghiệm thu hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng: Áp dụng theo Khoản 4, điều 4 và Điều 13, Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 của Bộ Tài chính (7% tổng kinh phí của Chương trình chi cho khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi XTTS rừng tự nhiên hàng năm của chủ rừng).

2.8. Hỗ trợ các hoạt động (06 nhóm nội dung) mang tính chất đặc thù áp dụng theo Điều 15 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT⁽²⁾: Khối lượng theo nhu cầu đề xuất của các

¹ Như: Nguồn dịch vụ môi trường rừng, Chương trình thí điểm tín chỉ các bon theo NĐ 107, sự nghiệp nông lâm nghiệp các chương trình lâm nghiệp bền vững và nguồn chính sách hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên tại Điều 8, Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (đối với các hộ gia đình, UBND cấp xã)

² Điều 15. Các hoạt động, dự án mang tính chất đặc thù

1. Hoạt động, dự án mang tính chất đặc thù thực hiện Chương trình, gồm:

đơn vị và cân đối các hạng mục đảm bảo tính cấp thiết, phù hợp, hiệu quả sau khi đã phân bổ đủ định mức, nội dung cho quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, hỗ trợ cộng đồng vùng đệm rừng đặc dụng và chi phí quản lý khoán bảo vệ rừng theo quy định.

III. Nội dung phương án phân bổ:

Trên cơ sở căn cứ các quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định nêu trên và khối lượng diện tích, nhu cầu của các đơn vị, sau khi rà soát, đề xuất phương án phân bổ chi tiết số kinh phí năm 2024 thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững là **53.555 triệu đồng** (gồm: Ngân sách Trung ương: 43.555 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 10.000 triệu đồng) như sau:

1. Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng: 180.188,6 ha, kinh phí: 38.440,3 triệu đồng, bao gồm:

1.1. Khoán bảo vệ rừng phòng hộ cho 06 Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng và 04 Công ty: $82.512,9 \text{ ha} \times 300.000 \text{ đ/ha/năm} = 24.753,9 \text{ triệu đồng}$.

1.2. Quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng⁽³⁾: $73.500 \text{ ha} \times 100.000 \text{ đ/ha/năm} = 7.350 \text{ triệu đồng}$.

1.3. Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 24.176 ha, kinh phí: 6.336,5 triệu đồng, trong đó:

+ 04 Công ty lâm nghiệp: $19.594,5 \text{ ha} \times 300.000 \text{ đ/ha/năm} = 5.878,4 \text{ triệu đồng}$ (đơn giá theo quy định tại Khoản 3, Điều 6, QĐ số 38/2016/QĐ-TTg);

+ 05 Ban quản lý rừng phòng hộ - đặc dụng: $4.581,5 \text{ ha} \times 100.000 \text{ đ/ha/năm} = 458,15 \text{ triệu đồng}$ (đơn giá theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 4 Thông tư số 21/2023/TT-BTT ngày 14/4/2023 của Bộ Tài chính).

Về diện tích bảo vệ rừng: Trên cơ sở khối lượng các đơn vị đề xuất, Sở Nông nghiệp và PTNT đã thực hiện việc rà soát diện tích các loại rừng (phòng hộ, đặc dụng và sản xuất), đối chiếu với số liệu quy hoạch 3 loại rừng và số liệu theo dõi diễn biến rừng: Diện tích bảo vệ rừng đối với rừng loại rừng của các đơn vị chủ rừng đề xuất nằm trong

a) Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; xây dựng, hoàn thiện, vận hành hệ thống giám sát rừng tự động phát hiện cháy rừng, mất rừng; tập huấn nâng cao năng lực cho kiểm lâm và lực lượng bảo vệ rừng; tuần tra truy quét ngăn chặn hành vi phá rừng và xử lý vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp; kiểm kê rừng, thống kê rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng;

b) Thu thập mẫu tiêu bản sinh vật rừng; bảo vệ và phát triển các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm; bảo tồn, giám sát đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng; cứu hộ các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp; giáo dục môi trường; bảo tàng; phòng trừ sinh vật hại rừng; đo đạc, cắm mốc ranh giới diện tích rừng;

c) Nâng cao năng lực về quản lý rừng bền vững;

d) Điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng quốc gia; ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quản lý, điều tra, giám sát tài nguyên rừng; phát triển hệ thống thông tin quản lý ngành và chuyển đổi số trong lĩnh vực lâm nghiệp;

đ) Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chiến lược, Chương trình, đề án, dự án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

e) Kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình; nâng cao năng lực thực hiện giám sát, đánh giá thực hiện ngành lâm nghiệp; các hoạt động khác được cấp thẩm quyền phê duyệt..."

3 Hỗ trợ kinh phí cho 2 ban quản lý rừng đặc dụng (Vườn Quốc gia Vũ Quang, Khu BTTN Kê Gỗ) để thực hiện các nội dung theo khoản 2, Điều 5, 21/2023/TT-BTC ngày 14/04/2023 của Bộ Tài chính, gồm:

"a) Thuê, khoán hợp đồng bảo vệ rừng đối với cộng đồng dân cư vùng đệm; thuê người bảo vệ rừng ở vùng giáp ranh. Ban quản lý rừng đặc dụng xác định diện tích rừng cần thuê, khoán hợp đồng bảo vệ rừng;

b) Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ quản lý bảo vệ rừng gồm trang thiết bị dự báo, cảnh báo cháy rừng, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng và các công cụ, trang thiết bị khác phục vụ quản lý bảo vệ rừng;

c) Hỗ trợ các lực lượng tham gia truy quét bảo vệ rừng; hỗ trợ đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ rừng, phát triển rừng và bảo tồn thiên nhiên; tuyên truyền giáo dục pháp luật về lâm nghiệp đối với cộng đồng;

d) Hỗ trợ chi phí quản lý phát triển cộng đồng vùng đệm, gồm: chi phí đi lại hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, thôn, bản;

đ) Chi khác phù hợp với quy định pháp luật về lâm nghiệp (nếu có)"

diện tích đơn vị được giao để quản lý, phù hợp với đối tượng hỗ trợ kinh phí công tác bảo vệ rừng theo các quy định.

2. Hỗ trợ kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 504,3 ha x 500.000 đồng/ha/năm = 252,1 triệu đồng.

Phân bổ cho Ban quản lý RPH Hồng Lĩnh để thực hiện công tác khoanh nuôi xúc tiến tái sinh năm thứ 5 cho 203,3 ha, năm thứ 6: 300,95ha đã được phê duyệt đầu tư thực hiện từ năm 2019 và 2020. Định mức áp dụng theo Điều 10 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT (tối đa 3.000.000 đồng/ha/6 năm, tương đương 500.000 đồng/ha/năm)

3. Chi quản lý phí, kiểm tra, nghiệm thu: 2.194,2 triệu đồng (mức chi được tính bằng 7% trên tổng kinh phí của Chương trình chi cho khoán bảo vệ, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên quy định tại khoản 3, điều 13, Thông tư 21/2023/TT-BTC ngày 14/04/2023 của Bộ Tài chính)

Nội dung chi quy định tại khoản 2, Điều 13 Thông tư 21/2023/TT-BTC ngày 14/04/2023 của Bộ Tài chính: Quản lý, kiểm tra, nghiệm hàng năm đối với các hoạt động khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên của các chủ rừng thuộc sở hữu Nhà nước và không trùng với các chương trình, dự án khác. Việc tổ chức nghiệm thu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4. Hỗ trợ thực hiện Đề án 1 tỷ cây xanh và tết trồng cây: 3.900 triệu đồng

Căn cứ nhu cầu của các Sở, ngành, đoàn thể và chính quyền địa phương các huyện và xã thực hiện trồng cây xanh, cây phân tán; kế hoạch thực hiện Đề án 1 tỷ cây xanh theo Kế hoạch số 459/KH-UBND ngày 24/12/2022 của UBND tỉnh. Theo đó, chỉ tiêu khoảng 1,984 triệu cây, trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí, đề xuất phân bổ hỗ trợ cho Chi cục Kiểm lâm (đơn vị chủ trì) thực hiện mua cây xanh cung ứng cho các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị để triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh và chương trình tết trồng cây năm 2024 là 3.900 triệu đồng; phần nhu cầu giống cây xanh còn lại thông qua các nguồn vốn xã hội hóa, lồng ghép các chương trình dự án liên quan.

- Đối tượng được hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện các nội dung trồng cây phân tán.

- Nội dung hỗ trợ gồm: (i) Hỗ trợ tổ chức các hoạt động phong trào tết trồng cây, các hoạt động trồng cây phân tán; (ii) Hỗ trợ các hoạt động kiểm tra, giám sát, đôn đốc theo dõi việc triển khai trồng cây phân tán; thực hiện Đề án trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 459/KH-UBND ngày 24/12/2022 của UBND tỉnh.

5. Hỗ trợ cộng đồng dân cư vùng đệm các khu rừng đặc dụng: 360 triệu đồng (mức hỗ trợ 40 triệu đồng/thôn, bản/năm).

Phân bổ cho 02 Ban quản lý rừng đặc dụng (Vườn Quốc gia Vũ Quang, Khu BTTN Kẻ Gỗ) để hỗ trợ 09 cộng đồng dân cư vùng đệm các khu rừng đặc dụng tại Vườn Quốc gia Vũ Quang (04 cộng đồng/thôn) và Khu BTTN Kẻ Gỗ (05 cộng đồng/thôn; mức

hỗ trợ 40 triệu đồng/thôn/năm để thực hiện các nội dung theo Khoản 2, Điều 6 Thông tư 21/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính⁽⁴⁾.

6. Hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động mang tính chất đặc thù: 8.408 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 2.308 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 6.100 triệu đồng).

- Phân bổ hỗ trợ công tác tuần tra truy quét ngăn chặn hành vi phá rừng và xử lý vi phạm: 4.528 triệu đồng, gồm Chi cục Kiểm lâm (12 Hạt Kiểm lâm và Đội Kiểm lâm cơ động và PCCC rừng, Văn phòng Chi cục) là 3.118 triệu đồng, phần còn lại cho các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, Công ty lâm nghiệp theo quy định.

- Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng: 2.380 triệu đồng, gồm: Chi cục Kiểm lâm (12 Hạt Kiểm lâm và Đội Kiểm lâm cơ động và PCCC rừng, Văn phòng Chi cục) là 1.390 triệu đồng, phần còn lại cho các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, Công ty lâm nghiệp theo quy định.

- Tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm và lực lượng bảo vệ rừng: 510 triệu đồng; phòng trừ sinh vật hại rừng: 100 triệu đồng; Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng: 450 triệu đồng; Kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình: 280 triệu đồng đơn vị thực hiện là Chi cục Kiểm lâm (12 Hạt Kiểm lâm và Đội Kiểm lâm cơ động và PCCC rừng, Văn phòng Chi cục).

- Hỗ trợ Vườn Quốc gia Vũ Quang thực hiện công tác cứu hộ các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp: 80 triệu đồng; Suu tập mẫu tiêu bản sinh vật rừng: 80 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 01, 02 kèm theo)

Vậy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Sở Tài chính xem xét, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2024 để các đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;(để báo cáo)
- Giám đốc Sở;
- Phó Giám đốc Sở PT lâm nghiệp;
- Phòng KH-TC;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Việt

⁴"2. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực phát triển sản xuất như khuyến nông, khuyến lâm, hỗ trợ giống cây, giống con; hỗ trợ thiết bị chế biến nông lâm sản quy mô nhỏ;

b) Hỗ trợ vật liệu xây dựng cho các công trình công cộng của cộng đồng thôn, bản như công trình nước sạch, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, đường giao thông thôn bản, nhà văn hóa và các công trình khác."

